

Bản án số: **40/2024/HS-ST**
Ngày: 21/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiêm Huol.
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Hiếu – Kiểm sát viên

Trong ngày 21/6/2024, tại Phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/HSST ngày 03/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/QĐXXST-HS ngày 07/6/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị C**; Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1973; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: Phường B, TP ., tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Số F, Khu phố E, Phường A, TP ., tỉnh Tây Ninh. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Mua bán; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T (đã chết); Họ và tên mẹ: Võ Thị S (đã chết); Họ tên chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, ngụ cùng địa chỉ bị cáo; Bị cáo có 04 người con: lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo Nguyễn Thị C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/01/2024 và chuyển tạm giam từ ngày 02/02/2024 cho đến nay.

(Bị cáo C có mặt).

- Bị hại: Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1964 , địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bà **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Phạm Trung K**, sinh năm 1979, địa chỉ: Số A, Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Ông **Nguyễn Hồng S1**, sinh năm 1986, địa chỉ: Số I, Hẻm A đường H, Khu phố D, Phường C, TP ., tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bà **Trương Thị Kim K1**, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 8b1, Tổ A, Khu phố E, phường A, TP ., tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bà **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm 1988, địa chỉ: Số C, Hẻm E, Khu phố E, Phường A, TP .T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Bà **Trần Thị H2**, sinh năm 1957, địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bà **Lê Lệ T2**, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975, địa chỉ: Số F T, Tổ A, Khu phố E, Phường A, TP ., tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 12/2023, Nguyễn Thị C đến Tòa án nhân dân cấp cao 3 tại thành phố Hồ Chí Minh để hỏi về việc giải quyết tranh chấp đất của C. Tại đây, C gặp ông Nguyễn Văn H1 cũng đến Tòa án nhân dân cấp cao 3 để nộp đơn về việc tranh chấp đất của ông H1 nhưng do thiếu thủ tục nên Tòa án chưa nhận đơn của ông H1. Sau khi tiếp xúc và biết được sự việc của ông H1, lúc này C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông H1 để lấy tiền tiêu xài cá nhân bằng cách đưa ra thông tin giả là C có mối quan hệ quen biết với những người có khả năng giải quyết thắng kiện của ông H1. Chi nói dối mình là cháu của bà Nguyễn Thị Kim N1 (*N2 là Chủ tịch Quốc hội*) và có quen biết nhiều người đang công tác tại Tòa án nhân dân cấp cao 3, thực tế C không có mối quan hệ quen biết với ai. Để thực hiện ý định trên, C sử dụng số điện thoại 0908784935 để kết bạn Zalo với ông H1. Đến khoảng 6-7 ngày thì C hẹn ông H1 lên Tây Ninh để làm đơn, nộp cho Toà án Cấp Cao 3, C đã nhiều lần nói dối để ông H1 tin tưởng và chuyển tiền vào các số tài khoản Ngân hàng do C cung cấp để cho ông H1 chuyển tiền theo yêu cầu của C nhằm chiếm đoạt cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 02/01/2024, C yêu cầu ông H1 chuyển vào số tài khoản 105868329824 - Ngân hàng V, chủ tài khoản PHAM TRUNG K với số tiền 50.000.000 đồng, lý do trả tiền công cho ông K lo thủ tục để được nhận hồ sơ kháng cáo. Sau đó, ông H1 kê con ruột tên Nguyễn Thanh N đến cửa hàng V1 tại thị trấn K chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản trên thành công. Khi giao dịch thành công, C thuê xe xuống nhà ông H1 để rước ông H1 đến Tòa cấp cao nộp đơn, C trực tiếp lấy hồ sơ nộp thay, do bổ sung đủ thủ tục nên được Tòa án nhân dân cấp cao nhận đơn.

Lần thứ hai: Vào ngày 05/01/2024, C yêu cầu ông H1 chuyển vào số tài khoản 105868329824 - Ngân hàng V, chủ tài khoản PHAM TRUNG K với số tiền 50.000.000 đồng, lý do để ông K làm thủ tục giám định 04 chữ ký của các người có liên quan. Sau

đó, ông H1 kêu con ruột tên Nguyễn Thanh N chuyển từ số tài khoản 9704229209573414786 tên Nguyễn Thanh N với số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản trên thành công.

Lần thứ ba: Vào ngày 11/01/2024, C yêu cầu ông H1 chuyển vào số tài khoản 21868357 - ngân hàng Á, chủ tài khoản NGUYEN THI KIM T với số tiền 40.000.000 đồng, lý do để nộp tiền tạm ứng án phí. ông H1 kêu con ruột tên Nguyễn Thanh N chuyển từ số tài khoản 9704229209573414786 tên Nguyễn Thanh N với số tiền 40.000.000 đồng vào số tài khoản trên thành công.

Lần thứ tư: Vào ngày 16/01/2024, C tiếp tục yêu cầu ông H1 chuyển vào số tài khoản 105868329824 - Ngân hàng V, chủ tài khoản PHAM TRUNG K số tiền 50.000.000 đồng, với lý do là tiền công, ăn uống, đi lại cho ông K. Sau đó, ông H1 sử dụng số tài khoản của ông H1 là 9704229200951386738 chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản nêu trên thành công.

Lần thứ năm: Vào ngày 19/01/2024, C tiếp tục yêu cầu ông H1 chuyển vào số tài khoản 22875807 - Ngân hàng Á, chủ tài khoản TRUONG THI KIM K với số tiền 30.000.000 đồng, với lý do là để đi đo đất. Ông H1 trực tiếp đến Ngân hàng A tại thị trấn K chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản trên thành công.

Lần thứ sáu: Vào ngày 24/01/2024, C tiếp tục liên hệ với ông H1 qua Zalo và nói cho ông Hiếu b là ông H1 chắc chắn thắng kiện rồi, chi phí xét xử theo phần trăm giá trị của miếng đất có giá trị 1,6 tỷ đồng nên phí là 100.000.000 đồng nhưng C chỉ yêu cầu ông H1 đưa cho C thêm số tiền 30.000.000 đồng. C và ông H1 thống nhất giao số tiền 30.000.000 đồng cho C tại nhà của ông H1 vào ngày 30/01/2024. Sáng ngày 30/01/2024, C thuê ông Nguyễn Hồng S1 điều khiển xe ô tô biển số 68A-289.XX xuống nhà của ông H1 nhận tiền theo thỏa thuận. Khi C xuống tới nhà ông H1 để nhận tiền thì ông H1 đã dẫn C qua nhà của bà Lê Lệ T2 để ông H1 mượn tiền của bà T2 giao cho C. Sau khi ông H1 mượn số tiền 30.000.000 đồng của bà T2 giao cho C xong thì C ra về. Khi C ra tới cổng nhà của bà T2 thì bị Công an huyện K kiểm tra, bắt quả tang C cùng số tiền vừa nhận của ông H1. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Thị C đã lừa đảo chiếm đoạt của ông H1 06 lần là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Trong đó chuyển khoản số tiền 220.000.000 đồng và trực tiếp nhận số tiền 30.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 220.000.000 đồng và xét xử bị cáo đúng theo quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS-H.KS ngày 28 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo C như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi

phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A02s màu đỏ, đã qua sử dụng của bị cáo C, là tang vật trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của các bị hại H1 và L, buộc bị cáo trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 220.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo C đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hứa sẽ sớm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại H1 và L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T1 và người làm chứng bà Lê Lê T2. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu hoãn phiên tòa nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị C là bằng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng, để 06 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 250.000.000 đồng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại H1 và L được pháp luật bảo vệ.

[4] Hành vi của bị cáo C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

4.”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố bị cáo C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại đ khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Để đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa có hiệu quả tội phạm cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định mức án phù hợp cũng như tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không biết chữ nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên (06 lần) nên phải chịu các tình tiết tăng nặng tại các điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con đang mắc bệnh tim.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, do xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định và hoàn cảnh khó khăn.

[7] Việc xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A02s màu đỏ, đã qua sử dụng của bị cáo C sử dụng vào hành vi phạm tội, là tang vật trong vụ án nên cần tịch thu, sung quỹ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị C đã chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của bị hại, đã thu hồi do bắt quả tang số tiền 30.000.000 đồng. Nay các bị hại H1, L yêu cầu bị cáo trả lại cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt còn lại là 220.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 220.000.000 đồng x 5% = 11.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C **08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A02s màu đỏ, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị C.

(Tang vật được liệt kê theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/5/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải bồi thường cho bị hại Lê Văn H3 và Lê Thị Tuyết L số tiền 220.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải có trách nhiệm trả lãi cho người có quyền yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 đồng theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng ;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa